

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

- Tên Dự toán: Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tên gói thầu: Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Chủ đầu tư: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên.

- Nguồn vốn: Nguồn chi quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 187/QĐ- UBND ngày 06/02/2025; Quyết định số 1201/QĐ- UBND ngày 13/6/2025.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 330 ngày.

- Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Nhằm tuyển chọn một đơn vị tư vấn có đủ trình độ, năng lực và kinh nghiệm để thực hiện Nhiệm vụ Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên.

2. Nội dung thực hiện:

- Điều tra, rà soát, xác định các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Điều tra, xác định ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Xây dựng hệ thống bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định.

2.1. Chuẩn bị

- Thu thập thông tin, tài liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ.

- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.

- Lập kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Chuẩn bị vật tư, máy móc thiết bị và nhân lực.

2.2. Điều tra ngoại nghiệp

- Sơ thám hiện trường và làm thủ tục hành chính với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng (các Sở, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan) để thu thập các thông tin, số liệu và thống nhất nội dung công việc, phương pháp tổ chức thực hiện.

- Điều tra, rà soát, xác định danh sách đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước:

+ Thu thập các thông tin: Tên cơ sở, loại hình sản xuất, chủ sở hữu, địa chỉ, quy mô hoạt động, công suất thiết kế, thời gian hoạt động; nhu cầu sử dụng nước trong quá trình tổ chức sản xuất,...

+ Thu thập các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất của cơ sở (giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt hoặc nước dưới đất,...).

+ Điều tra, xác định vị trí công trình sử dụng, khai thác nước; xác định nguồn nước khai thác, loại nguồn nước, mức sử dụng nước tối thiểu, lưu lượng nước khai thác, khối lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất,...

+ Điều tra, xác định nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp, lưu vực có rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

+ Điều tra, khoanh vẽ xác định phạm vi diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Điều tra, rà soát, xác định danh sách đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng:

+ Làm việc với các tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

+ Thu thập các thông tin: Tên tổ chức, cá nhân; loại hình dịch vụ du lịch; quy mô hoạt động; mức độ sử dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến khu rừng; ranh giới, vị trí, diện tích của khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí,...

+ Thu thập các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân.

+ Xác định các công trình hạ tầng phục vụ du lịch tác động đến môi trường rừng; các hoạt động kinh doanh có liên quan đến cảnh quan môi trường rừng, đa dạng sinh học, diện tích rừng; xác định doanh thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.

+ Điều tra, khoanh vẽ xác định diện tích rừng liên quan trực tiếp đến hoạt động du lịch các tổ chức, cá nhân đang khai thác để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Điều tra, rà soát, xác định danh sách đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là cơ sở nuôi trồng thủy sản:

+ Làm việc với các tổ chức nuôi trồng thủy sản.

+ Thu thập các thông tin: Tên tổ chức; vị trí, địa điểm hoạt động, quy mô hoạt động, thời gian hoạt động, nhu cầu sử dụng nước trong quá trình nuôi trồng thủy sản,...

+ Điều tra, xác định nguồn nước khai thác, lưu lượng nước cung cấp, hoạt động tiêu thụ nước, doanh thu từ nuôi trồng thủy sản,...

+ Thu thập các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của tổ chức.

+ Điều tra, rà soát, xác định lưu vực, phạm vi diện tích rừng phục vụ cấp nước, cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho cơ sở nuôi trồng thủy sản.

- Điều tra, xác định ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định; xây dựng hệ thống bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định:

+ Thu thập, chồng xếp, số hóa, bổ sung thông tin đối với diện tích rừng, đất rừng và các loại đất khác trong lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định.

+ Điều tra, chỉnh lý, cập nhật, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng trong lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định.

+ Điều tra, rà soát, xác định đối tượng, diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng trong lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Làm việc, thống nhất kết quả, số liệu, bản đồ với các tổ chức, cá nhân, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.

2.3. Nội nghiệp, xây dựng thành quả nhiệm vụ và trình duyệt

- Từ những thông tin, số liệu điều tra, xác định ở phần ngoại nghiệp, tiến hành tổng hợp, phân tích, xác định các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

- Số hóa, biên tập, xây dựng bản đồ ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định; hệ thống bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Phân tích, tổng hợp số liệu viết báo cáo kết quả Đề án.
- Tổ chức hội nghị báo cáo kết quả xây dựng Đề án.
- Chỉnh sửa báo cáo sau hội nghị và trình thẩm định, phê duyệt Đề án.
- In ấn, giao nộp thành quả (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt kết quả theo quy định).

3. Sản phẩm nhiệm vụ:

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Bản đồ lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước, các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được xác định.

- Bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Hệ thống biên bản làm việc, biên bản kiểm tra (kèm theo bảng, biểu số liệu có xác nhận của đầy đủ các thành phần tham gia).

- Các Quyết định của UBND tỉnh Điện Biên: Phê duyệt danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nguồn nước phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng; phê duyệt danh sách cơ sở nuôi trồng thủy sản phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng; phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

- File dữ liệu lưu trữ chứa tất cả các hồ sơ, tài liệu, bản đồ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

5. Quy mô, phương pháp, các bước thực hiện, kết quả giao nộp: Thực hiện theo đề cương kỹ thuật được đính kèm E-HSMT.

6. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn kể từ khi hợp đồng được ký.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu tư vấn phải nộp các loại báo cáo định kỳ theo thời gian, cụ thể như sau cho Chủ đầu tư:

- Báo cáo tiến độ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Mỗi báo cáo bao gồm các nội dung chính: tình trạng tổng thể của nhiệm vụ; khối lượng, chất lượng của từng công việc đã thực hiện và so sánh với kế hoạch đã đặt ra hoặc các hợp đồng đã ký; các vướng mắc và đề xuất biện pháp để xử lý.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Tất cả các vị trí nhân sự nhà thầu bố trí cho gói thầu phải đảm bảo về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu đặt ra của gói thầu.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư, Bên mời thầu sẽ cung cấp các văn bản, giấy tờ liên quan đến nhiệm vụ để nhà thầu có thể triển khai công việc của mình.
- Chủ đầu tư, Bên mời thầu sẽ cung cấp các công văn giới thiệu cần thiết để tư vấn liên hệ với các cơ quan giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Cử cán bộ có trình độ phù hợp, cung cấp thông tin và tài liệu liên quan cho Nhà thầu thực hiện nhiệm vụ.